

Số: 216/2025/QĐST-HNGĐ

Tây Ninh, ngày 25 tháng 11 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 10/2025/TLST-HNGĐ ngày 06/01/2025 giữa:

1. Nguyên đơn:

Chị Trần Ngọc T, sinh năm: 1984, cư trú: Số B đường số F khu nhà ở B - V, ấp C, xã B, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn:

Anh Mai Trọng H, sinh năm: 1980, cư trú: ấp L, xã C, tỉnh Tây Ninh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông H: Ông Phạm Đại D, luật sư của Công ty L thuộc đoàn luật sư Thành phố H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh T. Địa chỉ: K-Khu Trung tâm Chính trị hành chính tỉnh Tây Ninh, số D, đường S, Phường L, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Hồng H1- Phó Giám đốc chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực C.

2. Ngân hàng Thương mại cổ phần N2 (V). Địa chỉ: A, T, phường H, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ chi nhánh: Số B, Phạm Văn N, xã B, tỉnh Tây Ninh.

3. Văn phòng C (trước đây là Văn phòng C1), địa chỉ: Ấp H, xã C, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật số 85/2025/QH15 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại tòa án; Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ vào các Điều 55; 81; 82; 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 11 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 11 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Ngọc T và anh Mai Trọng H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh H xét thấy tình cảm vợ chồng thật sự không còn, chị T và anh H thống nhất thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Chị T và anh H thỏa thuận có con chung là Mai Trọng N1, sinh ngày 07/10/2009. Chị T và anh H thống nhất chị T nuôi dưỡng con chung. Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng là 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu N1 đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, về nợ chung:

3.1. Chị T và anh H thống nhất tổng giá trị tài sản trong thời kỳ hôn nhân của chị T và anh H là 6.600.000.000 đồng.

3.1.1. Chị T và anh H thống nhất anh Mai Trọng H tiếp tục quản lý, sử dụng thửa đất 2901, tờ bản đồ số 3, loại đất ONT, đất tại xã C, tỉnh Tây Ninh theo Mảnh trích đo địa chính số 66-2025 do Công ty TNHH Đ lập và được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực C duyệt ngày 14/8/2025 và căn nhà, công trình trên đất theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 25/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc (cũ), Chứng thư thẩm định giá tài sản số 295/2025/342/CT-SAG ngày 16/9/2025 của Công ty TNHH T1.

3.2. Anh Mai Trọng H có trách nhiệm thanh toán cho chị Trần Ngọc T số tiền là 3.300.000.000 đồng (ba tỷ ba trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, khoản tiền trên hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3.3. Ngay sau khi anh H trả cho chị T số tiền 3.300.000.000 đồng thì anh Mai Trọng H có quyền, nghĩa vụ liên hệ cơ quan nhà nước và nghĩa vụ liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký kê khai, điều chỉnh, cập nhật biến động giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật đất đai và theo kết quả giải quyết của Tòa án.

Văn phòng Đ1 có thẩm quyền, cơ quan Nông nghiệp và Môi trường có thẩm quyền, Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh Tây Ninh căn cứ vào bản án của Tòa án để giải quyết điều chỉnh biến động hoặc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo kết quả giải quyết của Tòa án.

4. Về nợ chung:

Chị Trần Ngọc T có trách nhiệm trả số nợ gốc và lãi còn lại cho Ngân hàng TMCP N2 theo hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 0170/CG/19DD ký ngày 02/5/2019 giữa Ngân hàng TMCP N2 với chị Trần Ngọc T và anh Mai Trọng H. Số tiền 3.300.000.000 đồng được nêu ở mục [3.2] được dùng để thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP N2.

Anh Mai Trọng H không có trách nhiệm trả số nợ gốc và lãi còn lại cho Ngân hàng TMCP N2 theo hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 0170/CG/19DD ký ngày 02/5/2019 giữa Ngân hàng TMCP N2 với chị Trần Ngọc T và anh Mai Trọng H.

5. Về chi phí đo đạc, định giá, xem xét thẩm định tại chỗ là 50.000.000 đồng, chị T tự nguyện chịu và đã nộp xong.

6. Về án phí:

Chị Trần Ngọc T chịu án phí là 49.000.000 đồng. Tạm ứng án phí chị T đã nộp là 32.100.000 đồng theo biên lai thu số 0013894 ngày 03/01/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc (cũ), nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 7-Tây Ninh, chuyển sang án phí. Ngoài ra, chị T, anh H, mỗi người chịu 75.000 đồng án phí ly hôn, anh H chịu 150.000 đồng án phí cấp dưỡng. Chị T tự nguyện chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo bản tự khai ngày 17/11/2025. Do đó, chị T còn nộp thêm án phí là 17.200.000 đồng.

Anh Mai Trọng H chịu án phí là 49.000.000 đồng. Tạm ứng án phí anh H đã nộp là 600.000 đồng theo các biên lai thu số 0014152 và 0014153 ngày 14/3/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc (cũ), nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 7-Tây Ninh, chuyển sang án phí. Anh H còn nộp thêm án phí là 48.400.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 7- Tây Ninh;
- UBND xã đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thanh Vân